

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư  
Chứng khoán Vietcombank**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025





# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669, đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 28 tháng 1 năm 2026, do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty đặt văn phòng tại Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty có chi nhánh tại Tầng 14, Tòa nhà Centec, 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Vũ Quang Đông	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Avinash Deepak Satwalekar	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Bà Phạm Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2025
Ông Christian Bucaro	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Bà Đoàn Hồng Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Sỹ Tân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2025

### BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Điều hành và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Bà Phạm Thanh Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2025
Bà Trần Thị Hà Linh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022
Ông Bùi Sỹ Tân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2025

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Thị Hằng Nga - Tổng Giám đốc.

Bà Phạm Thanh Huyền - Phó Tổng Giám đốc được Bà Nguyễn Thị Hằng Nga - Tổng Giám đốc ủy quyền ký báo cáo này theo giấy ủy quyền số 12225/UQ-VCBF ngày 25 tháng 8 năm 2025.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 13489308/E-69117147-FS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty***

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



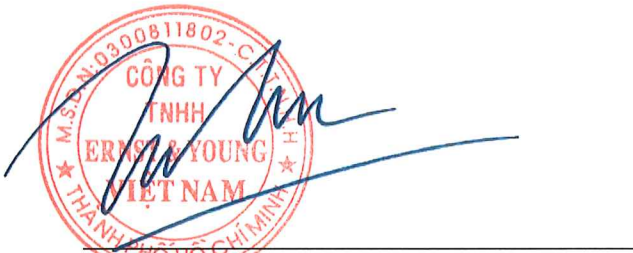


Shape the future  
with confidence

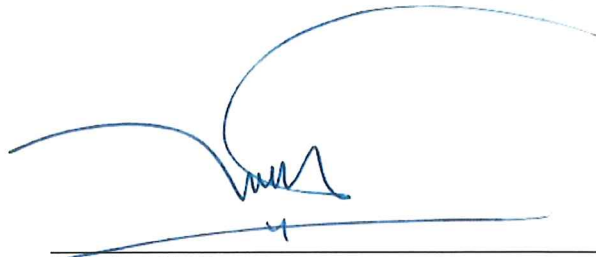
### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Vũ Tiên Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1



Nguyễn Văn Trung  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3847-2026-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>318.838.703.062</b>	<b>426.617.709.167</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>70.688.751.647</b>	<b>304.959.612</b>
111	1. Tiền		6.688.751.647	304.959.612
112	2. Các khoản tương đương tiền		64.000.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>229.504.497.755</b>	<b>327.696.898.874</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		229.504.497.755	327.696.898.874
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>17.962.413.249</b>	<b>98.160.601.848</b>
132	1. Trả trước cho người bán		12.879.000	25.133.100
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	16.226.588.188	41.542.224.089
135	3. Các khoản phải thu khác	6.2	1.722.946.061	56.593.244.659
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>683.040.411</b>	<b>455.248.833</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	623.048.111	410.256.533
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		59.992.300	44.992.300
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>32.171.704.487</b>	<b>42.238.924.415</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>909.765.569</b>	<b>1.104.240.341</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8.1	428.097.678	367.186.050
222	Nguyên giá tài sản cố định		5.688.976.694	5.380.746.214
223	Khấu hao lũy kế		(5.260.879.016)	(5.013.560.164)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8.2	481.667.891	737.054.291
228	Nguyên giá tài sản cố định		5.397.828.000	5.397.828.000
229	Hao mòn lũy kế		(4.916.160.109)	(4.660.773.709)
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		30.000.000.000	40.000.000.000
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.261.938.918</b>	<b>1.134.684.074</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	31.237.844	32.832.374
268	2. Tài sản dài hạn khác	10	1.230.701.074	1.101.851.700
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>351.010.407.549</b>	<b>468.856.633.582</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>17.305.186.740</b>	<b>25.147.277.042</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>17.305.186.740</b>	<b>25.147.277.042</b>
312	1. Phải trả người bán		346.264.000	310.969.744
314	2. Thuế và các khoản nộp Nhà nước	11	1.435.513.442	7.684.494.633
315	3. Phải trả người lao động		7.780.199.041	3.735.972.483
316	4. Chi phí phải trả	12	5.631.990.491	11.860.195.836
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		804.352.528	422.348.608
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	1.306.867.238	1.133.295.738
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>333.705.220.809</b>	<b>443.709.356.540</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	265.000.000.000	265.000.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.301.548.849	4.301.548.849
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		5.181.385.383	5.181.385.383
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.292.451.186	2.292.451.186
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		56.929.835.391	166.933.971.122
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>351.010.407.549</b>	<b>468.856.633.582</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
005	1. Ngoại tệ các loại		10.570.833	10.235.998
020	2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	15	200.733.069.200	165.633.069.200
030	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	16	144.173.518.492	131.517.457.159
031	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		144.173.518.492	123.985.034.251
032	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		-	7.532.422.908
040	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	17	3.109.038.539.942	3.012.719.766.935
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		3.109.038.539.942	2.884.371.787.078
042	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		-	128.347.979.857
050	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	18	7.598.515.410	29.570.860.520
051	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	19	9.389.398.836	41.128.509.317

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:  
Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:  
Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:  
Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu	20	106.000.385.172	107.283.652.677
11	2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	21	(35.401.367.657)	(34.329.923.547)
20	3. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		70.599.017.515	72.953.729.130
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22	25.052.238.629	14.362.431.497
22	5. Chi phí tài chính	23	(15.286.316)	(14.153.053)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(38.251.437.879)	(31.704.400.089)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		57.384.531.949	55.597.607.485
31	8. Thu nhập khác		1.556.366	187.499
40	9. Lợi nhuận khác		1.556.366	187.499
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		57.386.088.315	55.597.794.984
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	(11.763.224.046)	(11.172.655.458)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		45.622.864.269	44.425.139.526

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:  
Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên



Người kiểm soát:  
Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:  
Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		134.161.041.869	134.440.917.995
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(33.439.485.484)	(19.001.205.887)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(34.063.794.390)	(36.245.947.374)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	11	(17.935.444.735)	(13.426.265.748)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		475.364.974	150.611.001
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.650.218.995)	(17.748.903.475)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>32.547.463.239</b>	<b>48.169.206.512</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(308.230.480)	(368.000.000)
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(144.000.000.000)	(135.831.413.699)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		297.272.801.095	125.965.774.217
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(50.000.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.457.866.350	-
27	6. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi tiền gửi, lãi trái phiếu		16.413.556.996	8.174.568.456
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>187.835.993.961</b>	<b>(52.059.071.026)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(150.000.000.000)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(150.000.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>70.383.457.200</b>	<b>(3.889.864.514)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>4</b>	<b>304.959.612</b>	<b>4.194.349.438</b>
<b>61</b>	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>334.835</b>	<b>474.688</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>70.688.751.647</b>	<b>304.959.612</b>

Người lập:  
Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:  
Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:  
Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

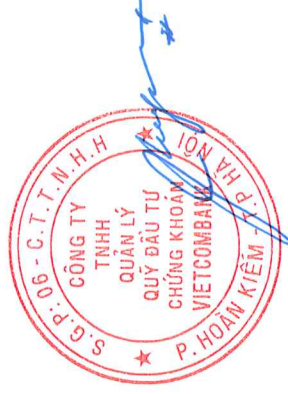
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

B05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	265.000.000.000	265.000.000.000	-	-	-	-	265.000.000.000	265.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển		4.301.548.849	4.301.548.849	-	-	-	-	4.301.548.849	4.301.548.849
3. Quỹ dự phòng tài chính		5.181.385.383	5.181.385.383	-	-	-	-	5.181.385.383	5.181.385.383
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.292.451.186	2.292.451.186	-	-	-	-	2.292.451.186	2.292.451.186
5. Lợi nhuận chưa phân phối		127.261.531.596	166.933.971.122	44.425.139.526	(4.752.700.000)	45.622.864.269	(155.627.000.000)	166.933.971.122	56.929.835.391
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>404.036.917.014</b>	<b>443.709.356.540</b>	<b>44.425.139.526</b>	<b>(4.752.700.000)</b>	<b>45.622.864.269</b>	<b>(155.627.000.000)</b>	<b>443.709.356.540</b>	<b>333.705.220.809</b>

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*

Người kiểm soát:  
Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:  
Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc

Người lập:  
Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669, đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 28 tháng 1 năm 2026, do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty đặt văn phòng tại Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty có chi nhánh tại Tầng 14, Tòa nhà Centec, 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 50 người (31 tháng 12 năm 2024: 43 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

### 2.5 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.3 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

#### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

### 3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Chi phí dịch vụ mua ngoài.

### 3.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.8 *Khấu hao*

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Thiết bị văn phòng	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Thẻ hội viên câu lạc bộ chơi golf	20 năm

### 3.9 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.10 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

### 3.11 *Lợi ích nhân viên*

#### 3.11.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ cơ quan Bảo hiểm Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

#### 3.11.2 *Trợ cấp thôi việc tự nguyện*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

#### 3.11.3 *Bảo hiểm thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.12 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 3.13 *Các quỹ*

Các quỹ của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 để bãi bỏ Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ trong đó nêu:

- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa có quyết định cuối cùng về kế hoạch xử lý số dư các quỹ này.

### 3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Phí quản lý*

Phí quản lý được tính trên vốn ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

#### *Phí tư vấn đầu tư*

Phí tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng tư vấn đầu tư.

#### *Phí thưởng hoạt động*

Phí thưởng hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có phát sinh, nếu giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác tăng cao hơn mức tham chiếu được quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### 3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.16 *Thuế thu nhập doanh nghiệp* (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 3.17 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.18 Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

#### *Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	6.688.751.647	304.959.612
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng	64.000.000.000	-
	<b>70.688.751.647</b>	<b>304.959.612</b>

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Đầu tư vào chứng chỉ quỹ (i)	173.004.497.755	127.924.097.779
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (ii)	56.500.000.000	199.772.801.095
	<b>229.504.497.755</b>	<b>327.696.898.874</b>

(i) Chi tiết các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ như sau:

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i> <i>(chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Giá gốc</i> VND	<i>Số lượng</i> <i>(chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Giá gốc</i> VND
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("VCBF-TBF")	1.334.027,88	13.393.639.981	1.334.027,88	13.393.639.981
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF ("VCBF-BCF")	878.027,88	8.815.399.957	1.368.027,88	13.734.999.981
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF ("VCBF-AIF")	5.000.000,00	50.000.000.000	-	-
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("VCBF-FIF")	5.000.000,24	50.795.457.817	5.000.000,24	50.795.457.817
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("VCBF-MGF")	4.861.250,92	50.000.000.000	4.861.250,92	50.000.000.000
	<b>17.073.306,92</b>	<b>173.004.497.755</b>	<b>12.563.306,92</b>	<b>127.924.097.779</b>

(ii) Phản ánh các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc 12 tháng kể từ ngày gửi, kỳ hạn còn lại dưới 10 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và hưởng lãi suất năm từ 4,60% đến 4,90% (31/12/2024: từ 4,40% đến 6,20%).

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

		<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Trả trước cho người bán		12.879.000	25.133.100
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	16.226.588.188	41.542.224.089
Các khoản phải thu khác	6.2	1.722.946.061	56.593.244.659
		<b>17.962.413.249</b>	<b>98.160.601.848</b>

#### 6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

		<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải thu phí quản lý quỹ và danh mục đầu tư		10.595.932.744	7.489.341.988
Phải thu phí thưởng hoạt động		1.909.048.912	32.262.598.339
Phải thu phí tư vấn đầu tư		391.155.000	378.765.000
Phải thu khác từ hoạt động nghiệp vụ		3.330.451.532	1.411.518.762
		<b>16.226.588.188</b>	<b>41.542.224.089</b>

#### 6.2 Các khoản phải thu khác

		<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng		1.489.216.436	6.247.374.741
Lãi phải thu từ trái phiếu		81.271.233	231.010.959
Chuyển tiền mua IPO Quỹ Đầu tư		-	50.000.000.000
Thu nhập Chủ động VCBF ("VCBF - AIF")		152.458.392	114.858.959
Các khoản phải thu khác		-	-
		<b>1.722.946.061</b>	<b>56.593.244.659</b>

### 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		<b>623.048.111</b>	<b>410.256.533</b>
Công cụ dụng cụ		179.449.078	128.993.974
Chi phí thuê máy chủ VNPT Icloud		140.989.266	6.310.000
Chi phí dịch vụ data		87.290.000	90.450.000
Dịch vụ bảo trì phần mềm		80.151.500	79.234.168
Dịch vụ bảo trì hệ thống CNTT		76.674.667	76.674.791
Cước thuê đường truyền		58.493.600	28.593.600
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		<b>31.237.844</b>	<b>32.832.374</b>
Cước phí internet		20.742.822	16.861.680
Tài khoản Thư viện pháp luật		10.495.022	15.970.694
		<b>654.285.955</b>	<b>443.088.907</b>

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

#### 8.1 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.033.871.214	1.346.875.000	5.380.746.214
Số tăng trong năm	-	308.230.480	308.230.480
Số cuối năm	4.033.871.214	1.655.105.480	5.688.976.694
<b>Giá trị khấu hao</b>			
Số đầu năm	3.704.689.894	1.308.870.270	5.013.560.164
Khấu hao trong năm	187.527.504	59.791.348	247.318.852
Số cuối năm	3.892.217.398	1.368.661.618	5.260.879.016
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	329.181.320	38.004.730	367.186.050
Số cuối năm	141.653.816	286.443.862	428.097.678

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4.192.793.214 VND (31/12/2024: 4.143.513.214 VND).

#### 8.2 Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm máy vi tính VND</i>	<i>Thẻ hội viên câu lạc bộ chơi golf VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	3.819.300.000	1.578.528.000	5.397.828.000
Số cuối năm	3.819.300.000	1.578.528.000	5.397.828.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	3.292.291.774	1.368.481.935	4.660.773.709
Hao mòn trong năm	176.460.000	78.926.400	255.386.400
Số cuối năm	3.468.751.774	1.447.408.335	4.916.160.109
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	527.008.226	210.046.065	737.054.291
Số cuối năm	350.548.226	131.119.665	481.667.891

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.937.000.000 VND (31/12/2024: 2.937.000.000 VND).

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Phản ánh khoản đầu tư của Công ty vào trái phiếu tổ chức tín dụng phát hành bằng VND với kỳ hạn 7 năm và hưởng lãi suất năm là 6,18% tại ngày kết thúc năm tài chính (31/12/2024: từ 5,68% đến 5,98%).

## 10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác phản ánh các khoản đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

## 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	Tăng/(giảm) trong năm		Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
		Thuế phải nộp VND	Thuế đã nộp VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.261.081.190	11.763.224.046	(17.935.444.735)	1.088.860.501
Thuế thu nhập cá nhân	306.530.703	10.019.867.475	(10.021.421.526)	304.976.652
Thuế giá trị gia tăng	116.777.355	846.615.946	(921.717.012)	41.676.289
Thuế nhà thầu	105.385	250.671.340	(250.776.725)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<b>7.684.494.633</b>	<b>22.883.378.807</b>	<b>(29.132.359.998)</b>	<b>1.435.513.442</b>

## 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi thưởng, hoa hồng cho nhân viên	2.883.515.009	10.001.037.806
Chi phí hoa hồng cho đại lý phân phối	1.677.214.879	1.446.030.279
Chi phí marketing	597.714.310	381.827.273
Chi phí phải trả khác	473.546.293	31.300.478
	<b>5.631.990.491</b>	<b>11.860.195.836</b>

## 13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Thay đổi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đầu năm	<b>1.133.295.738</b>	<b>429.224.028</b>
Trích lập trong năm	5.627.000.000	4.752.700.000
Sử dụng trong năm	(5.453.428.500)	(4.048.628.290)
Cuối năm	<b>1.306.867.238</b>	<b>1.133.295.738</b>

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 14. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	135.150.000.000	51,00	135.150.000.000	51,00
Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	129.850.000.000	49,00	129.850.000.000	49,00
	<b>265.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>265.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

### 15. CHỨNG KHOÁN CHƯA LƯU KÝ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán không niêm yết	170.733.069.200	125.633.069.200
Trái phiếu của tổ chức tín dụng không niêm yết	30.000.000.000	40.000.000.000
	<b>200.733.069.200</b>	<b>165.633.069.200</b>

### 16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Biến động tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Đầu năm</b>	<b>131.517.457.159</b>	<b>63.556.169.753</b>
Tăng trong năm	2.380.650.524.441	2.832.263.380.163
Giảm trong năm	(2.367.994.463.108)	(2.764.302.092.757)
<b>Cuối năm</b>	<b>144.173.518.492</b>	<b>131.517.457.159</b>

Chi tiết tiền gửi các nhà đầu tư ủy thác như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>	<b>144.173.518.492</b>	<b>123.985.034.251</b>
Nhà đầu tư AM16 (i)	51.432.198.214	22.470.877.161
Nhà đầu tư UL02 (ii)	46.730.667.539	12.264.608.892
Nhà đầu tư UL01 (iii)	27.994.494.591	5.177.932.773
Nhà đầu tư CB (iv)	88.741.036	104.733.404
Các nhà đầu tư khác (v)	17.927.417.112	83.966.882.021
<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</b>	<b>-</b>	<b>7.532.422.908</b>
Nhà đầu tư AM20 (vi)	-	7.532.422.908
	<b>144.173.518.492</b>	<b>131.517.457.159</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

### (i) Nhà đầu tư AM16

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>22.470.877.161</b>	<b>16.142.978.919</b>
Tăng trong năm	697.065.471.461	513.570.682.656
Giá trị vốn ủy thác tăng thêm trong năm	-	121.000.000.000
Thu từ bán chứng khoán	552.840.535.071	319.802.177.615
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư	144.224.936.390	72.768.505.041
Giảm trong năm	(668.104.150.408)	(507.242.784.414)
Giá trị vốn ủy thác rút bớt trong năm	(350.000.000.000)	
Chi mua chứng khoán	(157.196.341.371)	(426.433.371.807)
Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư	(160.907.809.037)	(80.809.412.607)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>51.432.198.214</b>	<b>22.470.877.161</b>

### (ii) Nhà đầu tư UL02

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>12.264.608.892</b>	<b>19.976.981.214</b>
Tăng trong năm	722.661.901.913	403.340.236.031
Giá trị vốn ủy thác tăng thêm trong năm	243.765.257.984	111.925.876.445
Thu từ bán chứng khoán	116.557.079.330	90.109.128.814
Đáo hạn trái phiếu	12.572.603.147	16.654.636.996
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư	349.766.961.452	184.650.593.776
Giảm trong năm	(688.195.843.266)	(411.052.608.353)
Giá trị vốn ủy thác rút bớt trong năm	(86.994.646.696)	(86.483.575.652)
Chi mua chứng khoán	(317.057.364.756)	(191.337.138.075)
Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư	(284.143.831.814)	(133.231.894.626)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>46.730.667.539</b>	<b>12.264.608.892</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(iii) Nhà đầu tư UL01

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>5.177.932.773</b>	<b>5.217.786.216</b>
Tăng trong năm	142.545.235.208	106.581.454.789
<i>Giá trị vốn ủy thác tăng thêm trong năm</i>	<i>11.599.881.246</i>	<i>2.816.310.518</i>
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	<i>7.775.350.395</i>	<i>8.260.483.913</i>
<i>Đáo hạn trái phiếu</i>	<i>51.947.616.390</i>	<i>24.496.937.816</i>
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	<i>71.222.387.177</i>	<i>71.007.722.542</i>
Giảm trong năm	(119.728.673.390)	(106.621.308.232)
<i>Giá trị vốn ủy thác rút bớt trong năm</i>	<i>(651.919.710)</i>	<i>(10.438.864.518)</i>
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>(55.544.890.125)</i>	<i>(34.268.146.113)</i>
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	<i>(63.531.863.555)</i>	<i>(61.914.297.601)</i>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>27.994.494.591</b>	<b>5.177.932.773</b>

(iv) Nhà đầu tư CB

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>104.733.404</b>	<b>5.186.345</b>
Tăng trong năm	2.628.036.413	900.339.501
<i>Giá trị vốn ủy thác tăng thêm trong năm</i>	<i>461.572.993</i>	<i>441.029.710</i>
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	<i>2.166.463.420</i>	<i>459.309.791</i>
Giảm trong năm	(2.644.028.781)	(800.792.442)
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>(1.011.748.200)</i>	-
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	<i>(1.632.280.581)</i>	<i>(800.792.442)</i>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>88.741.036</b>	<b>104.733.404</b>

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

#### (v) Các nhà đầu tư khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>83.966.882.021</b>	<b>17.527.170.939</b>
Tăng trong năm	534.876.820.805	692.934.265.173
<i>Giá trị vốn ủy thác tăng thêm trong năm</i>	<i>320.566.500.952</i>	<i>135.947.353.350</i>
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	<i>177.585.185.859</i>	<i>473.494.188.478</i>
<i>Đáo hạn trái phiếu</i>	<i>32.887.413.604</i>	<i>34.300.926.610</i>
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	<i>3.837.720.390</i>	<i>49.191.796.735</i>
Giảm trong năm	(600.916.285.714)	(626.494.554.091)
<i>Giá trị vốn ủy thác rút bớt trong năm</i>	<i>(253.680.652.985)</i>	<i>(388.417.568.728)</i>
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>(168.942.347.573)</i>	<i>(202.041.310.905)</i>
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	<i>(178.293.285.156)</i>	<i>(36.035.674.458)</i>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.927.417.112</b>	<b>83.966.882.021</b>

#### (vi) Nhà đầu tư AM20

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>7.532.422.908</b>	<b>4.686.066.120</b>
Tăng trong năm	280.873.058.641	1.114.936.402.013
<i>Thu từ bán chứng khoán</i>	<i>232.306.860.982</i>	<i>364.864.914.944</i>
<i>Đáo hạn trái phiếu</i>	<i>15.400.084.384</i>	<i>187.973.816.952</i>
<i>Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư</i>	<i>33.166.113.275</i>	<i>562.097.670.117</i>
Giảm trong năm	(288.405.481.549)	(1.112.090.045.225)
<i>Giá trị vốn ủy thác rút bớt trong năm</i>	<i>(137.901.754.261)</i>	<i>(538.000.000.000)</i>
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>(136.316.457.871)</i>	<i>(87.733.588.842)</i>
<i>Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư</i>	<i>(14.187.269.417)</i>	<i>(486.356.456.383)</i>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>7.532.422.908</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 17. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>2.726.691.675.464</b>	<b>2.521.154.251.458</b>
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá:</i>		
VNM	203.243.318.687	197.684.350.641
IJC	70.000.680.278	57.242.799.453
FPT	66.725.916.224	-
GMD	52.143.230.081	-
LHG	51.156.941.645	-
SAB	43.570.655.050	43.975.389.047
SZC	43.367.949.293	-
NLG	35.067.769.304	-
HAX	31.521.359.693	-
CTR	30.753.235.878	-
SGN	27.229.793.462	-
SKG	26.942.213.560	26.942.213.560
MSN	23.119.311.350	1.099.199.325
ACG	15.371.163.237	-
TLG	12.729.466.849	-
IDC	9.486.508.175	2.690.599.855
DCM	7.044.020.362	-
PTB	6.949.897.737	-
DGW	5.027.556.904	-
VIB	4.598.860.267	-
PVS	3.876.650.332	-
PNJ	3.171.868.600	-
BID	2.897.173.987	-
HCM	2.708.645.050	-
DHC	2.682.758.109	2.682.758.109
NTC	2.587.500.000	-
MSH	2.559.680.000	-
DHG	2.460.500.000	1.738.050.000
SIP	2.066.332.650	-
GDT	1.973.014.886	-
NCT	1.952.381.000	-
DPR	1.937.154.985	-
MIG	1.680.600.000	-
STK	1.661.717.717	1.661.717.693
HPG	1.572.094.874	-
MCM	1.532.301.890	4.319.872.585
TRA	1.052.810.005	-
BWE	678.799.940	-
MBB	663.425.000	-
DBD	582.600.010	-
BCC	551.488.500	-
CTD	526.250.025	-
ACB	484.050.080	-
BVH	480.524.160	91.136.009.309
CTG	466.130.049	-
DBC	203.200.032	-
PHR	192.000.000	-

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 17. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Cổ phiếu đăng ký giao dịch</b>	<b>33.579.436.256</b>	<b>40.036.606.525</b>
<i>Chi tiết cổ phiếu đăng ký giao dịch bị giảm giá:</i>		
VRG	12.600.000.000	12.600.000.000
SAS	3.563.812.563	-
QNS	2.529.615.200	-
VGG	847.876.574	-
<b>Trái phiếu</b>	<b>336.986.103.032</b>	<b>430.052.335.369</b>
<i>Chi tiết trái phiếu bị giảm giá:</i>		
PC112202	76.980.718.515	130.689.329.263
HDC12502	40.000.000.000	-
NLG12401	28.003.447.466	28.003.447.466
TNG124027	25.044.626.317	-
VIB12504	25.000.000.000	-
VHM121025	12.891.614.339	18.916.010.716
TNG122017	12.234.081.720	-
VIB12410	10.000.000.000	10.000.000.000
MML121021	8.010.326.660	42.461.146.533
VNTD25350271	1.010.535.379	-
<b>Chứng chỉ tiền gửi/Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>10.210.000.000</b>	<b>21.476.573.583</b>
<b>Quyền mua chứng khoán</b>	<b>1.571.325.190</b>	<b>-</b>
	<b><u>3.109.038.539.942</u></b>	<b><u>3.012.719.766.935</u></b>

### 18. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi được nhận	5.482.525.538	5.431.435.293
Thu từ bán chứng khoán	1.259.370.000	2.281.835.720
Cổ tức được nhận	724.840.000	7.998.587.284
Phải thu khác	131.779.872	13.859.002.223
	<b><u>7.598.515.410</u></b>	<b><u>29.570.860.520</u></b>

### 19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí quản lý danh mục	8.205.979.764	37.239.110.178
Phải trả phí lưu ký	142.508.449	139.103.024
Phải trả mua chứng khoán	-	3.499.360.000
Phải trả khác	1.040.910.623	250.936.115
	<b><u>9.389.398.836</u></b>	<b><u>41.128.509.317</u></b>

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 20. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Phí quản lý từ hoạt động quản lý quỹ (i)	47.113.422.850	24.911.809.652
Phí quản lý từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư (ii)	43.263.945.734	41.932.654.506
Phí thường hoạt động (iii)	4.772.902.600	35.366.764.947
Phí tư vấn đầu tư	1.554.045.000	1.357.281.818
Doanh thu khác	9.296.068.988	3.715.141.754
	<b>106.000.385.172</b>	<b>107.283.652.677</b>

- (i) Công ty hiện đang quản lý năm quỹ là Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF, Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF và Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF. Theo quy định tại Điều lệ quỹ, Công ty được hưởng phí quản lý tính trên giá trị tài sản ròng của quỹ và được thanh toán hàng tháng.
- (ii) Công ty quản lý danh mục đầu tư cho các khách hàng và được hưởng phí quản lý tính trên vốn ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư ủy thác.
- (iii) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng khoản phí thường hoạt động nếu giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác tăng cao hơn mức tham chiếu được quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư.

### 21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí nhân viên	14.623.419.745	13.862.342.520
Chi phí hoa hồng cho đại lý phân phối và cán bộ bán hàng	12.503.815.639	5.621.766.322
Chi phí chi trả cho hàng hóa, dịch vụ	6.690.734.370	5.255.970.051
Phí thường trích từ doanh thu phí thường	1.193.225.650	8.668.220.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	188.489.233	736.458.853
Chi phí khác	201.683.020	185.165.250
	<b>35.401.367.657</b>	<b>34.329.923.547</b>

### 22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	13.538.266.326	64.298.780
Thu nhập lãi tiền gửi	9.293.558.286	11.260.744.201
Thu nhập lãi trái phiếu	2.211.760.273	3.012.586.303
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.653.744	24.802.213
	<b>25.052.238.629</b>	<b>14.362.431.497</b>

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.286.316	12.793.206
Chi phí hoạt động đầu tư	-	1.359.847
	<b>15.286.316</b>	<b>14.153.053</b>

### 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	19.647.035.593	17.011.251.961
Chi phí thuê văn phòng	4.573.605.591	4.527.956.625
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	4.313.155.870	2.074.596.915
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.015.721.018	1.355.336.871
Chi phí tiếp tân, đối ngoại	1.210.178.722	1.101.313.487
Chi mua bảo hiểm	1.186.853.127	664.901.279
Chi phí đào tạo	695.505.773	545.209.676
Chi phí công tác	605.507.602	737.925.214
Chi phí viễn thông	349.693.191	370.660.568
Chi phí khấu hao tài sản cố định	314.216.019	426.713.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.970.820.531	1.807.684.547
Chi phí khác	1.369.144.842	1.080.849.704
	<b>38.251.437.879</b>	<b>31.704.400.089</b>

### 25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (năm trước: 20%) trên lợi nhuận tính thuế trong năm theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### a. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế sẽ có khác biệt so với thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế thuộc các kỳ tính thuế trước và cũng không bao gồm các khoản mục không chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

#### b. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>57.386.088.315</b>	<b>55.597.794.984</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	11.477.217.663	11.119.558.997
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>286.017.490</b>	<b>49.489.523</b>
Chi phí không được trừ	76.023.321	49.489.361
Chi phí chưa chi đến thời điểm quyết toán	209.994.169	-
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	162
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(361.729.300)</b>	<b>(32.919.517)</b>
Điều chỉnh chi phí năm trước	(361.718.193)	(32.919.517)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	(11.107)	-
Thuế TNDN bổ sung năm trước	361.718.193	36.526.455
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>11.763.224.046</b>	<b>11.172.655.458</b>

### 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
  - ▶ Kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con); hoặc
  - ▶ Có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
  - ▶ Có quyền đồng kiểm soát Công ty.
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết; hoặc
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành của Công ty hoặc Công ty mẹ; hoặc
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Thành viên góp vốn	Tiền gửi không kỳ hạn Tiền gửi có kỳ hạn Phải thu lãi tiền gửi Phải trả phí hoa hồng duy trì tài khoản	6.662.193.903 120.500.000.000 1.489.216.436 (205.135.854)	278.534.298 22.331.413.699 489.342.690 (424.541.228)
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công ty trong cùng tập đoàn Ngoại thương Việt Nam		Phải trả phí hoa hồng duy trì tài khoản	(13.386.431)	(12.925.842)
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	Công ty trong cùng tập đoàn	Đặt cọc thuế văn phòng	498.926.074	449.482.950
Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Thành viên góp vốn	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Phải thu phí tư vấn đầu tư	- 391.155.000	420.250.021 378.765.000
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	13.393.639.981 787.562.588 333.729.145	13.393.639.981 474.228.252 204.350.721
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	8.815.399.957 1.967.715.732 952.003.204	13.734.999.981 1.091.763.370 458.311.702
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	50.795.457.817 263.909.648 584.712.124	50.795.457.817 62.095.573 164.838.274
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	50.000.000.000 1.377.272.601 861.440.220	50.000.000.000 863.044.151 448.919.244
Quỹ Hưu trí Cân bằng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phải thu phí quản lý quỹ	-	2.275.290
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	50.000.000.000 598.903.608 472.928.658	50.000.000.000 - -

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Giao dịch bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Thành viên góp vốn	Phân phối lợi nhuận Lãi tiền gửi không kỳ hạn Lãi tiền gửi có kỳ hạn Phí hoa hồng duy trì tài khoản	76.500.000.000 46.076.860 6.069.800.166 (1.321.890.728)	- 12.106.516 1.138.447.285 (421.056.501)
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	Phí hoa hồng duy trì tài khoản Lãi tiền gửi	(48.756.922) 200	(49.707.556) 1.167.485
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Công ty trong cùng tập đoàn	Chi phí thuê văn phòng Chi phí dịch vụ	(1.863.855.966) (143.803.952)	(1.797.931.800) (138.416.652)
Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Thành viên góp vốn	Phân phối lợi nhuận Phí quản lý danh mục đầu tư Phí tư vấn đầu tư Phí thường hoạt động	73.500.000.000 456.644.278 1.554.045.000 1.985.823.907	- 4.309.702.090 1.357.281.818 -
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ Phí giao dịch	7.147.487.477 1.053.676.376	4.652.324.563 430.950.099
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ Phí giao dịch	17.403.951.554 2.773.927.274	10.742.601.949 1.462.421.085
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ Phí giao dịch	2.607.089.355 1.287.832.645	476.897.687 446.133.520
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ Phí giao dịch	15.418.484.185 3.139.137.173	9.039.985.453 1.375.637.050
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ Phí giao dịch	4.536.410.279 1.041.495.520	- -
Quỹ Lưu trữ Cân bằng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	2.724.322	2.014.528
Thu nhập Ban Điều hành trong năm như sau:				
Ban Điều hành		Tiền lương và thưởng thực nhận bằng tiền trong năm	(4.109.830.676)	(6.427.739.793)

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 27. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 27.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

#### Rủi ro tỷ giá

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Công ty có các tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng bằng USD	<u>10.570.833</u>	<u>10.235.998</u>

Sau đây là tỷ giá ngoại hối chính được Công ty áp dụng:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
USD/VND	<u>26.007</u>	<u>25.251</u>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 27. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 27.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

#### Rủi ro tỷ giá (tiếp theo)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	Mức tăng giả định %/năm	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>		
USD	+3%	317.125
USD	-3%	(317.125)

#### Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá thị trường của các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty vào các chứng chỉ quỹ là 293.047.886.167 VND (giá trị ghi sổ: 173.004.497.755 VND). Nếu giá thị trường của các khoản đầu tư này giảm 10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng và không phải trích lập bổ sung dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (31/12/2024: 0 VND).

### 27.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty.

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 27. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 27.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.688.751.647	64.000.000.000	-	-	70.688.751.647
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - góp	173.004.497.755	56.500.000.000	-	-	229.504.497.755
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	17.949.534.249	-	-	17.949.534.249
Đầu tư dài hạn khác	-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
	<b>179.693.249.402</b>	<b>138.449.534.249</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>348.142.783.651</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả người bán	-	346.264.000	-	-	346.264.000
Chi phí phải trả	-	5.631.990.491	-	-	5.631.990.491
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	804.352.528	-	-	804.352.528
	<b>-</b>	<b>6.782.607.019</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.782.607.019</b>
<b>Trạng thái thanh khoản ròng</b>	<b>179.693.249.402</b>	<b>131.666.927.230</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>341.360.176.632</b>

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 28. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	70.688.751.647	304.959.612	70.688.751.647	304.959.612
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - gộp (**)	229.504.497.755	327.696.898.874	(*)	(*)
Các khoản phải thu ngắn hạn	17.949.534.249	98.135.468.748	(*)	(*)
Đầu tư dài hạn khác	30.000.000.000	40.000.000.000	(*)	(*)
	<b>348.142.783.651</b>	<b>466.137.327.234</b>		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	346.264.000	310.969.744	(*)	(*)
Chi phí phải trả	5.631.990.491	11.860.195.836	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	804.352.528	422.348.608	(*)	(*)
	<b>6.782.607.019</b>	<b>12.593.514.188</b>		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không được vi Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*\*) Trong đó bao gồm danh mục đầu tư vào chứng chỉ quỹ có giá trị ghi sổ tại 31 tháng 12 năm 2025 là 173.004.497.755 VND và giá trị thị trường là 293.047.886.167 VND. Tại 31 tháng 12 năm 2024, giá trị ghi sổ và giá trị thị trường của danh mục đầu tư vào chứng chỉ quỹ lần lượt là 127.924.097.779 VND và 230.688.199.379 VND.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền thuê văn phòng		
- Đến 1 năm	4.965.750.480	3.055.720.911
- Từ 1 đến 5 năm	15.918.613.800	-
- Trên 5 năm	9.479.595.330	-

## 30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:  
Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:  
Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:  
Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc

